

Bản án số: 564/2020/HC-PT

Ngày 22 tháng 9 năm 2020.

V/v: “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư.”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Thúy Hồng.

*Các thẩm phán:* Bà Trần Thị Hòa Hiệp.

Ông Lê Hoàng Tấn.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Quang Hiên - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thanh Tuyết - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 22 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 356/2020/TLPT-HC ngày 25 tháng 6 năm 2020 về việc: “Khiếu kiện quyết định hành chính về quản lý nhà nước trong lĩnh vực đất đai, thuộc trường hợp bồi thường, hỗ trợ, giải phóng mặt bằng, tái định cư.”

Do Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2020/HC-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 3370/2020/QĐ-PT ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

**1. Người khởi kiện:** Ông Trần Thanh S, sinh năm 1940 và bà Phạm Thị S1, sinh năm 1948; cùng địa chỉ: Trung Tâm đô thị C, thành phố V, tỉnh B (vắng mặt).

**- Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện:** Bà Hoàng Thị V, sinh năm 1963, địa chỉ: Số X đường P, Phường 2, thành phố V, tỉnh B (có mặt).

**2. Người bị kiện:**

2.1. Ủy ban nhân dân thành phố V (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

2.2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

**- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân thành phố V:** Ông Phạm Huy L – Phó trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V và

ông Đào Quang K, chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố V (có mặt).

2.3. Chủ tịch Ủy ban nhân tỉnh B (có văn bản xin xét xử vắng mặt).

- *Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Ủy ban nhân dân tỉnh B:* Ông Phan Văn M – Phó Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Ông Hồ Việt Phước T - Chi Cục quản lý đất đai tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; Ông Trần Văn T - Phòng quản lý giá công sản và Tài chính doanh nghiệp; Bà Võ Lê Dung N - Phòng quản lý giá công sản và Tài chính doanh nghiệp (có mặt).

3. *Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- *Trong đơn khởi kiện ngày 16/10/2019 của người khởi kiện của ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1 và các lời khai tiếp theo của người đại diện hợp pháp của người khởi kiện trình bày:* Ông Trần Thanh S và bà Phạm Thị S1 có quyền sử dụng diện tích 227m<sup>2</sup> đất thổ cư thửa đất số 670, tờ bản đồ số 3 bản đồ địa chính Phường 9 thành phố V, nay thuộc phường Thắng Nhất, thành phố V. Do Nhà nước xây dựng Công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51B, phường Thắng Nhất, thành phố V nên đã thu hồi diện tích đất của gia đình ông S. Tại Bản án số 11/2016/HC-ST ngày 25/5/2016 Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu và Bản án phúc thẩm số 30/2017/HC-PT ngày 13/3/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh tuyên xử: “Hủy phần A Mục 1 Điều 1 Quyết định số 184/2007/QĐ-UBND ngày 17/01/2007 (Viết tắt Quyết định số 184) của Ủy ban nhân dân (Viết tắt UBND) thành phố V về bồi thường giá trị quyền sử dụng 148,3m<sup>2</sup> để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc bồi thường giá đất ở đối với diện tích đất thu hồi 148,3m<sup>2</sup> cho hộ ông Trần Thanh S và bà Phạm Thị S1 theo quy định của pháp luật”.

Ngày 20/4/2018, Chủ tịch UBND thành phố V có Quyết định số 1736/QĐ-UBND (Viết tắt Quyết định số 1736) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông bà Trần Thanh S - Phạm Thị S1, địa chỉ 112 đường 30/4, phường Thắng Nhất, thành phố V thuộc công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51B, phường Thắng Nhất, thành phố V đã áp giá để tính giá trị quyền sử dụng đối với 148,3m<sup>2</sup> đất ở đã thu hồi của ông S là 7.644.000 đồng/m<sup>2</sup> đất theo giá đất quy định tại Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Không đồng ý với Quyết định số 1736 của UBND thành phố V. Vợ chồng ông S, bà S1 đã khiếu nại, ngày 25/10/2018 Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định 7509/QĐ-UBND (Viết tắt Quyết định số 7509) về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Trần Thanh S, Phạm Thị S1 với nội dung bác đơn khiếu nại của ông S yêu cầu bồi thường 148,3m<sup>2</sup> đất ở theo giá thị trường. Ông S, bà S1 tiếp tục khiếu nại, ngày 04/9/2019 Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành quyết định số 2274/QĐ-UBND (Viết tắt Quyết định số 2274) bác đơn khiếu nại của ông S, bà S1 về yêu cầu bồi thường 148,3m<sup>2</sup> đất ở theo giá thị trường; giữ nguyên nội dung giải quyết khiếu nại tại Quyết định 7509/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V.

Do đó ông S, bà S1 khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định số 1736 của UBND thành phố V, Quyết định 7509 của Chủ tịch UBND thành phố V; Quyết định 2274 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Buộc UBND thành phố V lập lại thủ tục bồi thường 148,3m<sup>2</sup> đất ở theo giá đất cụ thể tại thời điểm chi trả bồi thường.

*- Tại văn bản ngày 20/01/2020 và tại biên bản đối thoại cùng các lời khai tiếp theo của người đại diện hợp pháp của người bị kiện UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V, Chủ tịch UBND tỉnh B trình bày ý kiến:*

Ngày 20/8/2001, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1058/QĐ-TTg về việc thu hồi 407.461,50 m<sup>2</sup> đất tại phường 8, 9, 10, 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và giao toàn bộ diện tích đất thu hồi trên cho Ban Quản lý dự án Chuyên ngành giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để tổ chức cải tạo, nâng cấp đoạn cuối Quốc lộ 51 (tuyến quy hoạch 51B cũ) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đoạn từ Km 75 + 855 đến Km 77 + 600).

Ngày 17/01/2007, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 184 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của ông (bà) Đỗ Thị Cửu (Trần Thanh S), địa chỉ 112 đường 30/4, phường 9, thành phố V thuộc công trình Quốc lộ 51B, phường Thắng Nhất, thành phố V: Diện tích đất thu hồi và được bồi thường là 148,3m<sup>2</sup> đất nông nghiệp. Không đồng ý với Quyết định số 184, ông Trần Thanh S có đơn khiếu nại và khởi kiện ra Tòa án.

Ngày 25/5/2016, Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu có Bản án số 11/2016/HC-ST về việc kiện quyết định hành chính với nội dung: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1 để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc bồi thường giá đất ở đối với diện tích đất thu hồi 148,3 m<sup>2</sup> theo quy định pháp luật. Hủy Quyết định số 2438/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh B và Quyết định số 2302/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết đơn khiếu nại Quyết định số 184 của UBND thành phố V, hủy phần 4 mục 1 Điều 1 Quyết định số 184 của UBND thành phố V về việc bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 148,3m<sup>2</sup> đất. Bản án phúc thẩm số 30/2017/HC-PT ngày 13/3/2017 của Tòa án nhân dân Cấp cao tại TP. Hồ Chí Minh quyết định: Không chấp nhận kháng cáo của Chủ tịch UBND tỉnh B; giữ nguyên quyết định của bản án hành chính sơ thẩm số 11/2016/HCST ngày 25/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngày 20/04/2018, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1736 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông (bà) Trần Thanh S - Phạm Thị S1 thuộc công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51B, đoạn qua phường Thắng Nhất, thành phố V. Với nội dung: Điều chỉnh bồi thường, bổ sung 148,30m<sup>2</sup> giá đất ở theo Bản án số 30/2017/HC-PT ngày 13/3/2017, vị trí 1, đường loại 3 (đường Bình Giã đoạn từ hẻm 442 Bình Giã đến đường 30/4), đơn giá 7.644.000 đồng/m<sup>2</sup> theo Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND Tỉnh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Do Bản án số 30/2017/HC-PT ngày 13/3/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chỉ điều chỉnh lại loại đất bồi thường từ đất nông nghiệp đã tính bồi thường sang đất ở, không điều chỉnh việc thu hồi đất. Căn cứ

khoản 6, Điều 210 Luật Đất đai năm 2013; và khoản 3 Điều 32 Nghị định.....(xử lý một số vấn đề phát sinh trước ngày 01/7/2014) quy định về bồi thường, hỗ trợ tái định cư được phê duyệt theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày 01/7/2014 thì tiếp tục thực hiện theo phương án đã được phê duyệt. Trường hợp hộ ông Trần Thanh S đã được UBND thành phố V ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung với giá đất bồi thường, hỗ trợ được tính theo Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh; đơn giá bồi thường đất ở vị trí 1, đường loại 3) là 7.644.000 đồng/m<sup>2</sup>. Căn cứ theo những nội dung và những quy định nêu trên thì việc ông (bà) Trần Thanh S – Phạm Thị S1 yêu cầu bồi thường phần diện tích 148,3 m<sup>2</sup> đất ở theo giá đất ở cụ thể tại thời điểm chi trả bồi thường là không có cơ sở. Sau khi ban hành Quyết định 1736, ông S, bà S1 không đồng ý và làm đơn khiếu nại. Nên UBND thành phố V và UBND tỉnh Bà Rịa- Vũng Tàu đã bác đơn khiếu nại của ông S, bà S1.

Do đó người bị kiện UBND thành phố V và Chủ tịch UBND thành phố V, Chủ tịch UBND tỉnh B bảo lưu các Quyết định số 1736 của UBND thành phố V, Quyết định 7509 của Chủ tịch UBND thành phố V; Quyết định 2274 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông S, bà S1.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 11/2020/HC-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh B đã quyết định:*

Căn cứ khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai; khoản 3 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Bác yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1 yêu cầu hủy Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V; hủy Quyết định 7509/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V; hủy Quyết định 2274/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; buộc Ủy ban nhân dân thành phố V lập lại thủ tục bồi thường 148,3 m<sup>2</sup> đất ở theo giá đất cụ thể tại thời điểm chi trả bồi thường, bồi thường bổ sung phần hệ số theo Quyết định số 43/2017/QĐ-UBND ngày 22/12/2017 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí hành chính sơ thẩm và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

-Ngày 26/5/2020 người khởi kiện ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1 có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm hủy quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V; Quyết định 7509/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V; Quyết định 2274/QĐ-UBND ngày 04/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; buộc Ủy ban nhân dân thành phố V lập lại thủ tục bồi thường 148,3 m<sup>2</sup> đất ở theo giá đất cụ thể tại thời điểm chi trả bồi thường.

Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

- Người đại diện hợp pháp của ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1 có bà Hoàng Thị Vui đại diện theo ủy quyền giữ nguyên kháng cáo yêu cầu Tòa án hủy

Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V; hủy Quyết định 7509/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V; hủy Quyết định 2274/QĐ-UBND ngày 4/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu; buộc Ủy ban nhân dân thành phố V lập lại thủ tục bồi thường 148,3m<sup>2</sup> đất ở theo giá đất cụ thể tại thời điểm chi trả bồi thường.

- Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu vắng mặt. Người bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người bị kiện không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1 vì năm 2007 Ủy ban nhân dân tỉnh B đã có Quyết định phê duyệt phương án đền bù đối với phần đất thu hồi. Bản án của Tòa án chỉ hủy một phần quyết định để điều chỉnh từ giá đất nông nghiệp sang đất ở nên không áp dụng giá đất cụ thể. Do đó Ủy ban nhân dân thành phố V ban hành quyết định 1736 là Quyết định phê duyệt phương án bồi thường bổ sung đối với đất ở là đúng quy định. Do đó đề nghị bác đơn kháng cáo của ông S, bà S1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm: Những người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của Luật tố tụng hành chính.

Về yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện: Kiểm sát viên đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính bác kháng cáo của người khởi kiện. Giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; Hội đồng xét xử nhận định:*

[1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1 hợp lệ, trong thời hạn luật định, đủ điều kiện để xem xét giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Người bị kiện có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Tòa án tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt người bị kiện theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính.

[3] Về đối tượng khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Người khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết hủy các Quyết định hành chính số 1736/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND thành phố V; hủy Quyết định 7509/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V; hủy Quyết định 2274/QĐ-UBND ngày 4/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B. Tòa án cấp sơ thẩm đã xác định đúng quan hệ tranh chấp và thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 3, Điều 30, Điều 32, 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

[4] Xét tính hợp pháp của các quyết định bị khiếu kiện:

[4.1] Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định:

Các Quyết định hành chính số 1736/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND thành phố V, Quyết định 7509/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V và Quyết định 2274/QĐ-UBND ngày 4/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành đúng trình tự, thủ tục và thẩm quyền theo Luật đất đai năm 2013; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 và Luật khiếu nại năm 2011.

[4.2] Về quá trình ban hành các Quyết định bị khiếu kiện:

Ngày 20/8/2001, Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1058/QĐ-TTg về việc thu hồi 407.461,50 m<sup>2</sup> đất tại phường 8, 9, 10, 11, thành phố V, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và giao toàn bộ diện tích đất thu hồi trên cho Ban Quản lý dự án Chuyên ngành giao thông thuộc Sở Giao thông vận tải tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu để tổ chức cải tạo, nâng cấp đoạn cuối Quốc lộ 51 (tuyến quy hoạch 51B cũ) tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu (đoạn từ Km 75 +855 đến Km 77 + 600).

Ngày 17/01/2007, UBND thành phố V ban hành Quyết định số 184 về việc phê duyệt kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của ông (bà) Đỗ Thị Cửu (Trần Thanh S), địa chỉ 112 đường 30/4, phường 9, thành phố V thuộc công trình Quốc lộ 51B, phường Thắng Nhất, thành phố V: Diện tích đất thu hồi và được bồi thường là 148,3m<sup>2</sup> đất nông nghiệp. Không đồng ý với Quyết định số 184, ông Trần Thanh S có đơn khiếu nại yêu cầu đòi bồi thường 148,3m<sup>2</sup> đất ở và bố trí đất tái định cư. Ngày 19/7/2007, Chủ tịch UBND thành phố V ban hành Quyết định số 2302/QĐ-UBND và Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành Quyết định số 2438/QĐ-UBND ngày 13/10/2015 về việc giải quyết đơn của ông Trần Thanh S với nội dung bác đơn. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại của các cấp, ông Trần Thanh S khởi kiện ra Tòa án.

Tại Bản án số 11/2016/HC-ST Ngày 25/5/2016 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu và Bản án phúc thẩm số 30/2017/HC-PT ngày 13/3/2017 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1: Hủy Quyết định số 2438/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND tỉnh B và Quyết định số 2302/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND thành phố V về việc giải quyết đơn khiếu nại của ông Trần Thanh S đối với Quyết định số 184 của UBND thành phố V; hủy phần A mục 1 Điều 1 Quyết định số 184 của UBND thành phố V về việc bồi thường giá trị quyền sử dụng đất 148,3m<sup>2</sup> đất; đề cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc bồi hoàn giá đất ở đối với diện tích thu hồi 148,3m<sup>2</sup> cho hộ ông Trần Thanh S theo quy định của pháp luật về đất đai.

Do Quyết định 184 của UBND thành phố V về phê duyệt kinh phí, bồi thường hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất của hộ ông bà Trần Thanh S, Phạm Thị S1 đối với diện tích đất 148,3m<sup>2</sup> đối với đất nông nghiệp trồng cây hàng năm đã bị hủy để cơ quan Nhà nước thực hiện việc bồi thường giá đất ở đối với diện tích thu hồi 148,3m<sup>2</sup> đất; Đồng thời việc bị hủy một phần Quyết định 184 về bồi thường 148,3m<sup>2</sup> đất khi Nhà nước thu hồi là lỗi của cơ quan quản lý hành chính Nhà nước ở thành phố V, làm chậm chi trả bồi thường cho người có đất bị thu hồi, trên thực tế đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi của hộ ông S, bà S1 trong việc nhận giá trị bồi thường đất. Nên cần phải được xem xét tính lại giá trị quyền sử dụng đất tại thời điểm ban hành quyết định mới về phương án bồi thường hỗ trợ bổ sung cho ông bà

Trần Thanh S, Phạm Thanh Sơn theo mới đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng đất.

Theo quy định tại khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013 thì: *“Đối với những dự án, hạng mục đã chi trả xong bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì không áp dụng theo quy định của Luật này. Trường hợp những dự án, hạng mục đã phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư hoặc đang thực hiện chi trả bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo phương án đã được phê duyệt trước ngày Luật này có hiệu lực thi hành thì thực hiện theo phương án đã phê duyệt, không áp dụng theo quy định của Luật này”*;

Mặt khác, tại khoản 4 Điều 34 Nghị định 47/NĐ-CP Ngày 15/5/2014 của Chính phủ hướng dẫn thi hành Luật đất đai năm 2013 quy định: *“Trường hợp đã có quyết định thu hồi đất nhưng chưa có phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được phê duyệt trước ngày 01 tháng 7 năm 2014 thì giải quyết theo quy định sau đây: a) Đối với dự án thuộc trường hợp thu hồi đất quy định tại Điều 61 và Điều 62 của Luật Đất đai, chủ đầu tư đủ điều kiện quy định tại Khoản 3 Điều 58 của Luật Đất đai thì Ủy ban nhân dân cấp tỉnh cho phép tiếp tục lập, thẩm định, phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của Luật Đất đai năm 2013”*;

Tuy nhiên ngày 20/4/2018 UBND thành phố V ban hành Quyết định số 1736 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông (bà) Trần Thanh S - Phạm Thị S1 thuộc công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51B, đoạn qua phường Thắng Nhất, thành phố V. Với nội dung: Điều chỉnh bồi thường, bổ sung 148,30m<sup>2</sup> giá đất ở theo Bản án số 30/2017/HC-PT ngày 13/3/2017, vị trí 1, đường loại 3 (đường Bình Giã đoạn từ hẻm 442 Bình Giã đến đường 30/4), đơn giá 7.644.000 đồng/mở theo Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là chưa đúng quy định của pháp luật và đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp cho hộ gia đình ông S ,bà S1.

Người khởi kiện ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1 yêu cầu hủy Quyết định số 1736 Ngày 20/4/2018 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung cho ông (bà) Trần Thanh S - Phạm Thị S1 thuộc công trình cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 51B, đoạn qua phường Thắng Nhất, thành phố V với nội dung: Bồi thường 148,30m<sup>2</sup> giá đất ở theo đơn giá 7.644.000 đồng/m<sup>2</sup> đất vị trí 1, đường loại 3 (đường Bình Giã đoạn từ hẻm 442 Bình Giã đến đường 30/4 theo giá đất của Quyết định số 65/2014/QĐ-UBND ngày 19/12/2014 của UBND Tỉnh tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu) là có căn cứ để chấp nhận.

Tòa án sơ thẩm cho rằng Bản án hành chính số 30/2017/HCPT Ngày 13/3/2017 chỉ điều chỉnh lại loại đất bồi thường không điều chỉnh việc thu hồi đất và cho rằng đã có quyết định thu hồi đất và có phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư nên căn cứ khoản 6 Điều 210 Luật đất đai năm 2013 và khoản 3 Điều 34 Nghị định 47/2014/NĐ-CP Ngày 15/5/2014 của Chính phủ không xem xét tính giá trị quyền sử dụng đất theo giá đất cụ thể tại thời điểm ban hành Quyết định 1736 là chưa phù hợp.

Do Quyết định 1736 của UBND thành phố V ban hành chưa phù hợp theo quy định của pháp luật về bồi thường giá trị quyền sử dụng đất khi Nhà nước thu hồi

đất. Cho nên việc giải quyết khiếu nại lần 1 của chủ tịch UBND thành phố V bằng Quyết định 7509 giải quyết khiếu nại lần 2 của Chủ tịch UBND tỉnh B ban hành bằng Quyết định 2274 với nội dung giữ nguyên Quyết định 1736 của UBND thành phố V là chưa đúng quy định của pháp luật.

[5] Từ những nhận định trên, chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông S và bà S1. Sửa bản án hành chính sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1: Hủy các Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của UBND thành phố V; Quyết định 7509/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch UBND thành phố V; Quyết định 2274/QĐ-UBND ngày 4/9/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh B để cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc bồi thường giá đất ở đối với diện tích đất thu hồi 148,30m<sup>2</sup> cho hộ ông Trần Thanh S, Phạm Thị S1 theo đúng quy định của pháp luật.

[6] Về án phí hành chính:

[6.1] Về án phí hành chính sơ thẩm: Do sửa án sơ thẩm nên án phí hành chính sơ thẩm được xác định lại. Người bị kiện Ủy ban nhân dân thành phố V, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B mỗi người phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định tại Điều 348 của Luật tố tụng hành chính và Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

[6.2] Về án phí hành chính phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên người kháng cáo ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 2 Điều 241 của Luật Tố tụng Hành chính;

Chấp nhận kháng cáo của ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1. Sửa Bản án hành chính sơ thẩm số: 11/2020/HC-ST ngày 14/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu.

Áp dụng khoản 6 Điều 210 Luật Đất đai; khoản 4 Điều 34 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Điều 193 Luật tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu miễn giảm án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Thanh S, bà Phạm Thị S1: Hủy các Quyết định số 1736/QĐ-UBND ngày 20/4/2018 của Ủy ban nhân dân thành phố V; Quyết định 7509/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V; Quyết định 2274/QĐ-UBND ngày 4/9/2019 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B.



Đề cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện việc bồi thường giá đất ở đối với diện tích đất thu hồi 148,30m<sup>2</sup> cho hộ ông Trần Thanh S, Phạm Thị S1 theo đúng quy định của pháp luật.

2. Về án phí hành chính sơ thẩm:

- Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố V phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

3. Về án phí hành chính phúc thẩm: Ông Trần Thanh S và bà Phạm Thị S1 không phải chịu án phí hành chính phúc thẩm.

4. Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Tp. Hồ Chí Minh;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án, PQH.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA  
(đã ký)**

**Trần Thị Thúy Hồng**